

Thứ ba, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Vietnam Daily Review

Đà tăng kéo dài

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/8/2021		•	
Tuần 9/8-13/8/2021			•
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà tăng điểm tiếp tục kéo dài trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư tiếp tục chảy vào thị trường khi có 15/19 nhóm ngành tăng điểm. Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước cho thấy tâm lý giao dịch tích cực của nhà đầu tư. Tuy nhiên, khối ngoại quay trở lại bán ròng trên cả 2 sàn HNX và HSX. Với xu hướng như trên, VN-Index dự kiến vẫn có thể tiếp tục vận động trong vùng 1350-1380 điểm. Ngành dầu khí tăng mạnh trong phiên chủ yếu do hầu hết các doanh nghiệp dầu khí đều công bố lợi nhuận trong quý 2 tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, nổi bật là BSR, PLX,, PLC hay PVT.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2112, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: PVD_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.57 điểm**, đóng cửa **1362.43**. HNX-Index **+4.40**, đóng cửa **335.08**.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.55); VNM (+0.96); VCB(+0.70); PLX(+0.32); VCG(+0.30)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.80); NVL (-0. 56); HPG(-0.36); VHM (-0.36); VPB(-0.33)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,049 tỷ đồng**, **+2.3%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 23,008 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 26.4 điểm. Thị trường có **217** mã tăng, 50 mã tham chiếu và **157** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-570.47 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (-159.3 tỷ), SSI (-148.8 tỷ) và VIC (-86.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-5.20 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1362.43**
Giá trị: 21049.53 tỷ **2.57 (0.19%)**
Khối ngoại (ròng): -570.47 tỷ

HNX-INDEX **335.08**
Giá trị: 3908.57 tỷ **4.4 (1.33%)**
Khối ngoại (ròng): -5.2 tỷ

UPCOM-INDEX **90.53**
Giá trị: 1786.42 tỷ **1.15 (1.29%)**
Khối ngoại(ròng): 25.37 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	67.9	2.08%
Giá vàng	1,730	0.00%
Tỷ giá USD/VND	22,916	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,873	-0.12%
Tỷ giá JPY/VND	20,741	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	10.09%
LS TPCP 5 năm	6.4%	507.99%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	409.2	HPG	-159.3
PLX	69.1	SSI	-148.8
STB	23.6	VIC	-86.2
DRC	21.8	DPM	-70.4
CTR	16.8	GAS	-57.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
PVD_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PVD đang hình thành xu hướng tăng giá từ vùng đáy 17.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục tích cực. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 báo hiệu xu hướng hồi phục ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 19.6 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 23.5 Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 17.5.

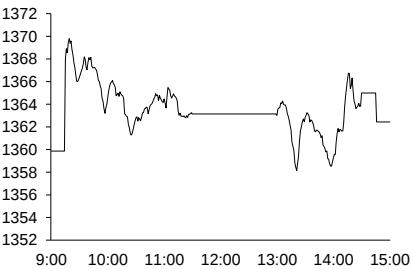
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	2.81%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.81%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.21%
Xây dựng và Vật liệu	2.09%
Ô tô và phụ tùng	1.23%
Hóa chất	0.62%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.54%
Thực phẩm và đồ uống	0.43%
Y tế	0.32%
Du lịch và Giải trí	0.31%
Công nghệ Thông tin	0.24%
Bán lẻ	0.23%
Ngân hàng	0.21%
Dịch vụ tài chính	0.14%
Bất động sản	0.03%
Tài nguyên Cơ bản	-0.12%
Bảo hiểm	-0.35%
Viễn thông	-1.75%
Truyền thông	-2.71%

Hình 1

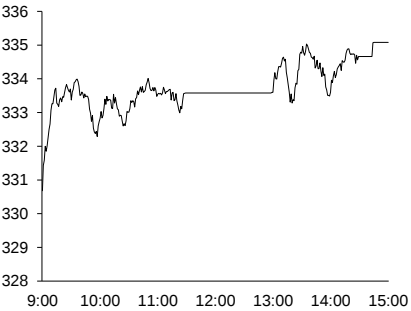
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	20.6	1	2.74%	Có thể tiếp tục mua
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	28.5	4	9.20%	Có thể tiếp tục mua
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	34.6	5	4.53%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	53.8	6	2.87%	Có thể tiếp tục mua
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	32.3	7	8.03%	Có thể tiếp tục mua
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	23.5	8	6.33%	Có thể tiếp tục mua
30/7/21	BCC	10.8	13	10	13	11	20.37%	Cần nhắc không mua thêm (**)
29/7/21	CTG	33.9	40	32	34.65	12	2.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	25.2	13	6.78%	Có thể tiếp tục mua
26/7/21	GVR	32.5	37.5	30	35	15	7.69%	Có thể tiếp tục mua
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	38.05	19	16.54%	Cần nhắc không mua thêm (**)
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	30.9	20	3.69%	Có thể tiếp tục mua
19/7/21	CTR	75	85	69.3	83.8	22	11.73%	Cần nhắc không mua thêm (**)
16/7/21	PDR	90.2	106.5	85	92.9	25	2.99%	Có thể tiếp tục mua
15/7/21	ACB	32.75	38	30	36.5	26	11.45%	Có thể tiếp tục mua
14/7/21	ACV	75	84	72	76.3	27	1.73%	Có thể tiếp tục mua
13/7/21	KBC	32.5	40	30	35.8	28	10.15%	Có thể tiếp tục mua
9/7/2021	ITD	18	20.25	15.25	18.6	32	3.33%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	173.9	34	4.89%	Có thể tiếp tục mua
6/7/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	52.6	35	15.86%	Có thể tiếp tục mua
31/5/21	PC1	27.6	32.5	23.5	29.55	71	7.07%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

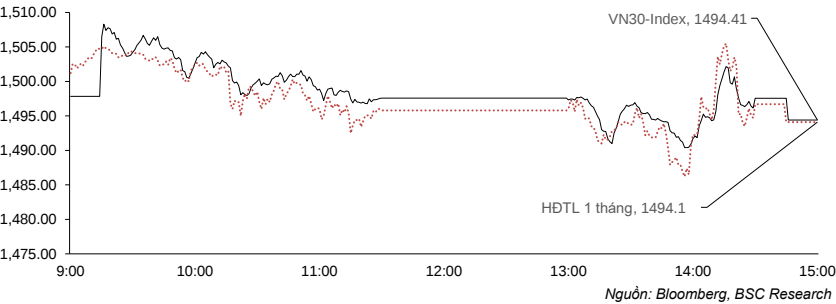
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	TP	11	11.31%
20/7/21	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
12/7/2021	VPG	38	42	32.5	TP	9	10.53%
8/7/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
5/7/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
2/7/2021	VGX	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
1/7/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
30/6/21	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
29/6/21	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
28/6/21	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
25/6/21	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
24/6/21	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
23/6/21	CTD	65.4	72	58.5	SL	26	-10.55%
22/6/21	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	21	0	7.63%	0.00%	7.63%	20
Cổ phiếu đã chốt	164	109	13.62%	-7.87%	5.04%	26

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1494.10	-0.43%	-0.31	38.3%	273,956	8/19/2021	11
VN30F2109	1492.10	-0.45%	-2.31	-3.0%	549	9/16/2021	39
VN30F2112	1491.50	0.02%	-2.91	39.5%	53	12/16/2021	130
VN30F2203	1494.70	-0.29%	0.29	-93.9%	33	3/17/2022	221

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm −3.42 điểm xuống 1494.41 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, GAS, VCB, FPT, PLX tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên lên gần 1510 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại giảm xuống quanh 1495 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2112, các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều increased. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2105	1/10/2022	153	1:1	45,900	46.14%	4,000	7,800	10.48%	4,189	1.86	34,000	30,000	30,600
CHPG2109	1/10/2022	153	1:1	146,300	39.06%	4,000	8,800	4.76%	3,246	2.71	59,000	55,000	49,400
CFPT2103	1/7/2022	150	5:1	226,600	32.31%	3,000	3,800	2.70%	1,589	2.39	115,000	100,000	97,800
CHPG2106	8/27/2021	17	2:1	68,200	39.06%	4,100	9,100	2.25%	675	13.48	42,937	36,908	49,400
CMSN2103	8/13/2021	3	6:1	101,300	37.86%	3,000	8,800	2.09%	8,422	1.04	106,000	88,000	138,500
CHPG2108	8/12/2021	2	5:1	1,126,200	39.06%	1,200	1,470	1.38%	-		48,124	43,713	49,400
CMWG2104	3/22/2022	224	10:1	112,900	34.11%	2,400	6,470	0.15%	4,578	1.41	159,000	135,000	173,900
CHPG2107	8/12/2021	2	5:1	319,000	39.06%	1,300	1,490	0.00%	-		48,463	43,684	49,400
CMWG2105	8/27/2021	17	8:1	79,000	34.11%	2,950	5,750	0.00%	5,336	1.08	155,100	131,500	173,900
CTCB2101	10/5/2021	56	1:1	47,000	40.26%	5,000	23,850	-0.17%	21,526	1.11	36,000	31,000	52,300
CFPT2102	1/10/2022	153	5:1	91,100	32.31%	4,000	5,900	-0.84%		2.19	110,000	90,000	97,800
CKDH2002	8/16/2021	6	4:1	289,400	33.45%	1,600	4,700	-1.47%	3,647	1.29	30,666	24,848	41,900
CMBB2103	1/7/2022	150	1.48:1	238,400	38.92%	3,000	3,250	-1.52%	953	3.41	53,000	47,000	29,650
CMBB2102	8/12/2021	2	10:1	746,500	38.92%	1,200	560	-1.75%	-		46,468	34,468	29,650
CVNM2107	1/7/2022	150	10:1	686,400	26.00%	1,500	1,650	-2.94%	338	4.89	113,000	98,000	89,400
CMWG2106	1/7/2022	150	10:1	233,400	34.11%	3,000	3,060	-3.16%	1,398	2.19	210,000	180,000	173,900
CSTB2104	8/27/2021	17	1:1	80,900	46.14%	4,000	8,320	-3.26%	7,752	1.07	26,900	22,900	30,600
CPDR2102	9/27/2021	48	5:1	514,600	36.77%	1,100	3,260	-5.78%	1,474	2.21	94,499	88,999	92,900
CPDR2101	9/27/2021	48	5:1	517,300	36.77%	1,100	2,090	-9.13%	1,091	1.92	94,388	88,888	92,900
CPNJ2104	1/7/2022	150	8:1	430,200	31.19%	2,400	1,830	-14.88%	463	3.96	129,200	110,000	95,800
Tổng				6,054,700	36.57%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 10/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

• CSTB2105 tăng mạnh 10.48%. Trái lại, CSBT2101 và CPNJ2104 giảm mạnh lần lượt là -23.08% và -14.88%. Giá trị giao dịch giảm -19.95%. CPDR2102 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.49% thị trường.

• CVHM2106, CVHM2105, CMSN2103, CSTB2104, và CMWG2105 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CMSN2103, và CSTB2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	89.40	1.94	1.58
GAS	96.00	3.23	0.32
VCB	99.00	0.71	0.32
FPT	97.80	0.31	0.26
PLX	53.80	1.70	0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MSN	138.5	-1.77	-1.15
VPB	60.5	-0.82	-0.89
HPG	49.4	-0.60	-0.82
NVL	104.6	-1.32	-0.80
MBB	29.7	-0.84	-0.58

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	173.9	0.1%	0.9	3,593	6.6	9,051	19.2	4.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	95.8	-0.7%	1.0	947	1.8	5,816	16.5	3.8	49.0%	25.4%
BVH	Bảo hiểm	53.4	-0.9%	1.4	1,723	1.6	2,548	21.0	1.9	26.9%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	41.4	1.5%	0.5	402	0.2	3,495	11.8	1.3	53.0%	10.9%
VIC	Bất động sản	113.0	-0.1%	0.7	16,618	14.0	2,174	52.0	4.7	15.1%	9.0%
VRE	Bất động sản	28.4	-0.9%	1.1	2,801	5.5	1,175	24.1	2.1	30.4%	9.3%
VHM	Bất động sản	117.0	-0.3%	1.0	16,734	39.5	9,941	11.8	4.0	23.5%	39.9%
DXG	Bất động sản	23.2	-1.3%	1.3	522	5.4	1,586		1.4	29.1%	11.0%
SSI	Chứng khoán	59.4	0.2%	1.5	1,691	32.5	2,817	21.1	3.4	50.5%	16.5%
VCI	Chứng khoán	57.0	0.0%	1.0	825	11.7	3,459	16.5	3.6	20.6%	25.4%
HCM	Chứng khoán	51.7	-0.2%	1.6	686	12.4	2,899	17.8	3.3	48.3%	19.4%
FPT	Công nghệ	97.8	0.3%	0.9	3,859	11.4	4,233	23.1	5.3	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	86.5	1.2%	0.4	1,235	0.1	4,304	20.1	6.0	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	96.0	3.2%	1.3	7,989	9.2	4,077	23.5	3.9	2.7%	16.2%
PLX	Dầu khí	53.8	1.7%	1.5	2,909	9.5	2,915	18.5	2.9	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	27.2	7.5%	1.7	565	26.4	1,160	23.4	1.1	7.8%	4.5%
BSR	Dầu khí	20.5	5.7%	0.8	2,763	24.5	(909)	N/A N/A	2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.8	0.5%	0.4	539	0.0	5,761	16.5	3.6	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	32.6	5.2%	0.8	555	13.9	1,928	16.9	1.6	14.0%	9.4%
DCM	Hóa chất	22.9	0.9%	0.7	526	10.4	1,122	20.4	1.9	2.0%	9.4%
VCB	Ngân hàng	99.0	0.7%	1.1	15,964	6.7	5,709	17.3	3.6	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	43.3	0.3%	1.3	7,572	3.5	2,477	17.5	2.1	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	34.7	0.3%	1.3	7,240	18.1	3,692	9.4	1.8	24.5%	20.9%
VPB	Ngân hàng	60.5	-0.8%	1.2	6,457	16.4	5,052	12.0	2.5	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	29.7	-0.8%	1.2	4,871	17.9	2,764	10.7	2.1	22.3%	21.5%
ACB	Ngân hàng	36.5	0.0%	1.0	4,288	16.6	3,589	10.2	2.4	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	57.2	0.9%	0.7	204	0.1	6,160	9.3	2.0	83.6%	20.3%
NTP	Nhựa	49.2	0.6%	0.4	252	0.1	4,085	12.0	2.1	19.1%	18.3%
MSR	Tài nguyên	21.0	1.0%	0.7	1,004	0.8	39	538.5	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	49.4	-0.6%	1.1	9,607	50.4	4,056	12.2	3.3	26.7%	31.3%
HSG	Thép	38.8	-0.1%	1.4	824	15.4	7,745	5.0	1.9	10.4%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	89.4	1.9%	0.6	8,124	23.1	4,572	19.6	5.9	55.1%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	154.1	-0.6%	0.8	4,297	2.0	7,293	21.1	4.7	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	138.5	-1.8%	0.9	7,109	6.2	1,281	108.1	10.1	33.5%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.3	0.3%	1.2	518	3.0	1,131	17.1	1.5	8.9%	8.7%
ACV	Vận tải	76.3	0.4%	0.8	7,222	0.4	577	132.2	4.4	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	118.7	-0.7%	1.1	2,795	2.6	2,256		4.3	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	21.5	0.7%	1.7	2,074	0.6	(7,377)		26.8	9.0%	-155.4%
GMD	Vận tải	50.5	2.9%	1.0	662	13.0	1,246	40.5	2.5	41.8%	6.2%
PVT	Vận tải	20.6	2.7%	1.4	290	4.5	2,281	9.0	1.3	15.2%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	124.6	1.4%	0.9	867	2.2	9,806	12.7	4.7	3.8%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.5	5.0%	0.4	653	2.6	1,604	20.9	2.3	5.6%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.5	6.7%	0.9	289	4.7	1,651	10.6	1.2	2.9%	11.3%
CTD	Xây dựng	64.9	-1.5%	1.0	208	1.2	3,352	19.4	0.6	43.8%	3.0%
CII	Xây dựng	17.2	-1.4%	0.5	179	1.5	56	309.1	0.9	22.3%	0.2%
REE	Điện	55.9	0.0%	-1.4	751	1.1	5,806	9.6	1.4	49.0%	15.8%
PC1	Điện	29.6	2.1%	-0.4	246	4.0	2,371	12.5	1.4	9.9%	13.2%
POW	Điện	11.3	0.9%	0.6	1,145	4.3	1,037	10.8	0.9	3.0%	8.6%
NT2	Điện	19.3	1.3%	0.5	242	0.4	1,093	17.7	1.3	13.7%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	35.8	-1.9%	1.1	731	23.3	1,794	20.0	1.6	19.4%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	45.9	-2%	1.0	2,063	0.1			3.1	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	96.00	3.23	1.55	2.22MLN
VNM	89.40	1.94	0.96	5.97MLN
VCB	99.00	0.71	0.70	1.56MLN
PLX	53.80	1.70	0.32	4.11MLN
VCG	44.80	5.91	0.30	1.00MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.80	1.01MLN	1.11MLN
NVL	0.00	-0.56	3.13MLN	607060
HPG	0.00	-0.36	23.32MLN	373600
VHM	0.00	-0.36	7.70MLN	192700
VPB	0.00	-0.33	6.20MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTL	8.89	6.98	0.02	443800.00
PGC	18.40	6.98	0.02	404600
VSI	20.70	6.98	0.01	29600
KPF	12.30	6.96	0.01	30700
VNE	8.15	6.96	0.01	1.99MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	27.90	-7.00	-0.01	1100
TTE	9.83	-6.82	-0.01	1700
KMR	7.90	-4.24	-0.01	820500.00
CIG	7.00	-4.11	0.00	9000
MDG	10.65	-4.05	0.00	500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	28.20	6.82	0.97	2.30MLN
SHB	29.50	1.37	0.86	28.37MLN
BAB	23.10	4.49	0.83	136700
PVS	27.20	7.51	0.60	23.15MLN
THD	210.90	0.29	0.21	562200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VND	51.30	-1.35	-0.37	10.33MLN
EVS	27.00	-10.00	-0.11	582800
CEO	9.10	-2.15	-0.04	2.75MLN
TIG	14.30	-2.05	-0.03	458800
ART	9.10	-2.15	-0.03	1.84MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

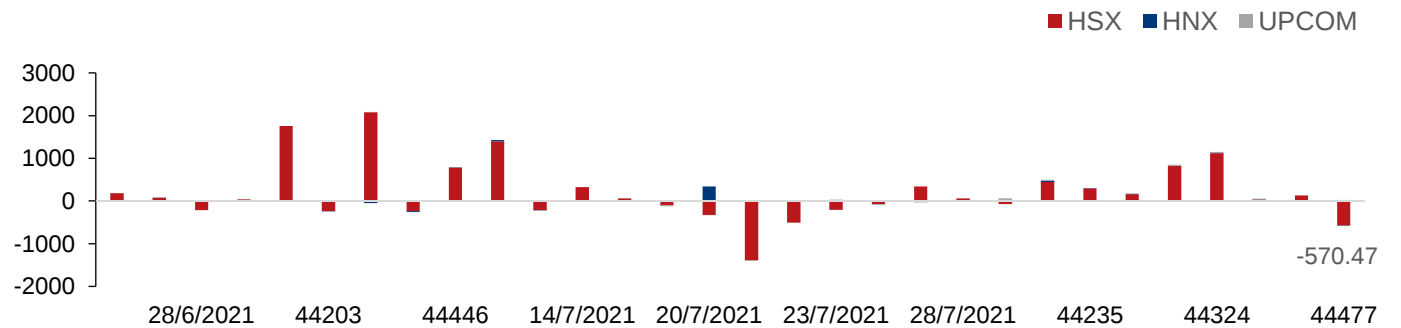
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BBC	84.70	10.0	0.08	5400
DXP	19.80	10.0	0.03	1.60MLN
TDN	10.00	9.9	0.01	642900
TC6	6.70	9.8	0.01	340400
L18	24.60	9.8	0.04	128100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EVS	27.00	-10.00	-0.11	582800
KMT	8.80	-8.33	0.00	1200
X20	8.90	-8.25	-0.01	2300
SSM	5.70	-8.06	0.00	1200
VTH	8.20	-7.87	0.00	100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.5	3,589	10.2	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	76.3	577	132.2	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	30.6	1,686	18.1	1.6	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.2	600	17.0	0.9	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	9.1	-411		0.8	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	35.5	3,949	9.0	1.5	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	34.7	3,692	9.4	1.8	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	22.9	1122.1	20.4	1.9	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	101.7	5,868	17.3	3.9	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	162.9	9,205	17.7	5.2	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	38.1	4,873	7.8	2.0	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	32.6	1,928	16.9	1.6	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.6	2,868	12.1	2.4	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	23.2	1,586		1.4	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	17.6	674	26.0	1.0	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	97.8	4,233	23.1	5.3	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	34.0	3,617	9.4	2.7	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	35.0	1,201	29.1	2.9	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	49.4	4,056	12.2	3.3	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	38.8	7,745	5.0	1.9	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	17.5	1,651	10.6	1.2	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.8	-1,169		0.8	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	41.9	1,946	21.5	3.1	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	52.6	6,758	7.8	1.9	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	25.6			2.0	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	74.5	5,257	14.2	2.5	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	173.9	9,051	19.2	4.8	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	44.4	3,925	11.3	2.0	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	29.6	2,371	12.5	1.4	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	34.0	2,380	14.3	2.1	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	95.8	5,816	16.5	3.8	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	11.3	1,037	10.8	0.9	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.6	0	128.2	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	27.2	1,160	23.4	1.1	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.3	1,131	17.1	1.5	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.6	1,064	33.5	3.6	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	48.3	15775.2	3.1	1.3	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.3	4,613	11.3	2.2	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	99.0	5,709	17.3	3.6	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	18.4	570	32.3	1.5	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	42.9	4,038	10.6	1.4	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	117.0	9,941	11.8	4.0	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	60.5	5,052	12.0	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	28.4	1,175	24.1	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	85.8	3,256	26.4	7.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639